

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%				
1	162233434	LÊ QUÝ AN	K16KTR1	2				0	7			HP	0.0	Không	NỢ HP	
2	162233437	NGUYỄN CÔNG ANH	K16KTR1	5				6	5			6	5.8	Năm phẩy Tám		
3	162233452	PHAN PHƯỚC CHUNG	K16KTR1	1				7.5	4			5	4.8	Bốn phẩy Tám		
4	162233467	THÁI VIỆT DUY	K16KTR1	8				7.5	6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy		
5	162233471	PHẠM XUÂN HÀ	K16KTR1	8				7	7			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
6	162233473	TRƯỜNG VIỆT MINH HẢI	K16KTR1	6				6	7.5			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
7	162233479	NGUYỄN THỊ THUÝ HẰNG	K16KTR1	7				7	7			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
8	162233483	NGUYỄN HẬU	K16KTR1	8				6.5	6.5			5	5.9	Năm phẩy Chín		
9	162233486	ĐẶNG QUANG ĐIỆP	K16KTR1	2				7	7			4	4.6	Bốn phẩy Sáu		
10	162233487	LÊ TRUNG HIỂU	K16KTR1	7				7	6.5			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
11	162233489	PHẠM NGỌC HIỂU	K16KTR1	8				6	5			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
12	162233494	LÊ NGỌC HOÀNG	K16KTR1	7				7	7			5	5.9	Năm phẩy Chín		
13	162233496	THÁI BẢO HOÀNG	K16KTR1	6				5	4			7.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
14	162233502	LÊ QUANG HÙNG	K16KTR1	8				6	7.5			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
15	162233510	PHẠM NGUYỄN CÔNG HUY	K16KTR1	6				7.5	3			5	5.5	Năm phẩy Năm		
16	162233520	LÊ ĐỨC LÂM	K16KTR1	2				7.5	4			4	4.4	Bốn phẩy Bốn		
17	162233523	LÊ THỊ THUỶ LIÊN	K16KTR1	8				7	8			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
18	162233530	TRẦN HOÀNG LUÂN	K16KTR1	8				7	5			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
19	162233534	HỒ THỊ DIỄM MI	K16KTR1	6				7	6			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
20	162233537	PHẠM HỒNG MINH	K16KTR1	7				4	5			6.5	5.9	Năm phẩy Chín		
21	162233546	NGUYỄN PHƯỚC NGHĨA	K16KTR1	7				7	7			5	5.9	Năm phẩy Chín		
22	162233551	LÊ HOÀNG QUỐC NGŨ	K16KTR1	5				7	7			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
23	162233554	LÊ THỊ NHÀN	K16KTR1	7				7	7			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
24	162233558	NGUYỄN TRƯỞNG PHÚ	K16KTR1	4				4	3.5			6.5	5.3	Năm phẩy Ba		
25	162233563	PHẠM PHƯƠNG	K16KTR1	4				6	7			6	5.8	Năm phẩy Tám		
26	162233564	BÙI THỊ LAN PHƯƠNG	K16KTR1	8				7	7			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
27	162233569	LÊ ĐỨC QUỐC	K16KTR1	6				5	4			6.5	5.9	Năm phẩy Chín		
28	162233572	TRẦN ĐÌNH QUYẾT	K16KTR1	8				7	6.5			5	6.0	Sáu		
29	162233575	CAO THIÊN SƠN	K16KTR1	4				5	5			6	5.4	Năm phẩy Bốn		
30	162233576	LỘ THANH TÂM	K16KTR1	8				4	6.5			6	6.0	Sáu		
31	162233585	HOÀNG MINH THANH	K16KTR1	8				7	7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
32	162233593	TRẦN THỊ THANH THẢO	K16KTR1	8				7	5			7.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
33	162233596	NGUYỄN VĂN THỊNH	K16KTR1	3				7.5	5			6.5	6.0	Sáu		
34	162233612	NGUYỄN HỮU TIẾP	K16KTR1	3				6	5			4	4.4	Bốn phẩy Bốn		

Thời gian : 13h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%				
35	162233616	NGUYỄN NHO	TOÀN	K16KTR1	7				7	6.5			5	5.9	Năm phẩy Chín	
36	162233618	HUỖNH MINH	TOÀN	K16KTR1	5				7.5	6			3	0.0	Không	
37	162233626	HÀ XUÂN	TRUNG	K16KTR1	8				7	5			6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
38	162233633	TRẦN DUY	TÙNG	K16KTR1	2				4	4			ĐC	0.0	Không	
39	162233638	PHẠM BÁ	VINH	K16KTR1	6				5	7			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
40	162233642	NGUYỄN THẾ	VŨ	K16KTR1	6				4	7			ĐC	0.0	Không	
41	162236505	ĐẶNG QUỐC	HUY	K16KTR1	8				7	6.5			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
42	162236638	TRẦN VĂN	BẢO	K16KTR1	6				6	7			6	6.1	Sáu phẩy Một	
43	162236640	ĐẶNG QUANG	LUẬN	K16KTR1	7				6	5.5			5	5.6	Năm phẩy Sáu	
44	162236643	TRẦN THANH	TỊNH	K16KTR1	8				7	5			7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
45	162237656	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	K16KTR1	8				5	5			5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
46	142234838	NGUYỄN TRUNG	TÍN	K16KTR2	2				7	7.5			4	4.7	Bốn phẩy Bảy	
47	152232933	HỒ THANH	TUẤN	K16KTR2	0				0	0			7	3.9	Ba phẩy Chín	
48	162233442	NGUYỄN LÊ DUY	BẢO	K16KTR2	8				8	6.5			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
49	162233445	NGUYỄN VIỆT	BIÊN	K16KTR2	3				7	3			HP	0.0	Không	NỢ HP
50	162233449	TRẦN THỊ	CHI	K16KTR2	8				7.5	7.5			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
51	162233461	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16KTR2	2				5	8.5			6.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
52	162233464	VÕ VIỆT	ĐỨC	K16KTR2	3				8	8			6	6.2	Sáu phẩy Hai	
53	162233468	LÊ NGUYỄN HẠNH	DUYÊN	K16KTR2	8				8	8.5			8	8.1	Tám phẩy Một	
54	162233477	NGUYỄN NHẬT	HÂN	K16KTR2	3				7	7.5			6	5.9	Năm phẩy Chín	
55	162233480	ĐINH PHƯƠNG HỒNG	HẠNH	K16KTR2	8				8	8.5			6	7.0	Bảy	
56	162233481	TRẦN LÝ QUANG	HÀO	K16KTR2	6				8	7			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
57	162233484	NGUYỄN	HIỀN	K16KTR2	4				5	6.5			8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
58	162233497	LÊ BÁ NHẬT	HOÀNG	K16KTR2	4				7	6.5			7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
59	162233499	NGUYỄN DUY	HỢP	K16KTR2	3				7	7.5			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
60	162233504	NGUYỄN QUANG	HÙNG	K16KTR2	8				7	9			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
61	162233511	ĐINH QUỐC	HUY	K16KTR2	6				7	0			8.5	7.0	Bảy	
62	162233521	NGUYỄN THANH	LÂM	K16KTR2	8				7	7.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
63	162233528	TRẦN	LỢI	K16KTR2	8				7.5	6.5			9	8.3	Tám phẩy Ba	
64	162233535	ĐOÀN QUANG	MINH	K16KTR2	8				7	6			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
65	162233540	HẠ THỊ THANH	MỸ	K16KTR2	8				8	7.5			8	8.0	Tám	
66	162233543	LÊ ĐÌNH	NAM	K16KTR2	8				8	7			9	8.5	Tám phẩy Năm	
67	162233547	TRƯƠNG CÔNG	NGỌ	K16KTR2	8				7	7.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
68	162233555	TRẦN THỊ MỸ	NHI	K16KTR2	6				8	6.5			5	5.9	Năm phẩy Chín	
69	162233559	NGUYỄN DUY	PHÚC	K16KTR2	8				7.5	7.5			8	7.9	Bảy phẩy Chín	

Thời gian : 13h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%					
70	162233562	TRƯƠNG THỊ THUỶ	PHƯƠNG	K16KTR2	8					8	8			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
71	162233570	LÊ PHƯỚC	QUỐC	K16KTR2	8					8	7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
72	162233573	TRẦN HẠ	SAN	K16KTR2	8					8	7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
73	162233577	ĐẶNG VĂN	TÂN	K16KTR2	8					7.5	6			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
74	162233579	NGUYỄN VĂN	TÂY	K16KTR2	8					7.5	6.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
75	162233590	NGUYỄN QUANG	THÀNH	K16KTR2	8					8	7.5			8	8.0	Tám	
76	162233591	HÀ CÔNG	THÀNH	K16KTR2	6					5	8.5			7.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
77	162233594	ĐOÀN THƯỢNG	THI	K16KTR2	8					7	6			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
78	162233597	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	K16KTR2	8					7.5	7			8	7.8	Bảy phẩy Tám	
79	162233602	ĐÌNH LÝ HOÀI	THƯỢNG	K16KTR2	4					8	8.5			8	7.5	Bảy phẩy Năm	
80	162233604	NGUYỄN PHẠM SƠN	THUY	K16KTR2	5					8	6			8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
81	162233608	NGUYỄN NAM	TIẾN	K16KTR2	8					8	7.5			8	8.0	Tám	
82	162233609	NGUYỄN VŨ	TIẾN	K16KTR2	4					5	6			8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
83	162233613	LÊ HUY	TÍN	K16KTR2	3					5	7.5			HP	0.0	Không	NỢ HP
84	162233619	CAO XUÂN	TOÀN	K16KTR2	8					7	8.5			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
85	162233624	NGUYỄN MINH	TRÍ	K16KTR2	7					7	7.5			5	6.0	Sáu	
86	162233627	NGUYỄN BẢO	TRUNG	K16KTR2	8					5	8			6	6.3	Sáu phẩy Ba	
87	162233634	TRỊNH THANH	TÙNG	K16KTR2	6					7	6.5			7	6.8	Sáu phẩy Tám	
88	162233639	TRƯƠNG TÂN	VINH	K16KTR2	6					7	8			7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
89	162233640	THÁI TRẦN HOÀNG	VŨ	K16KTR2	1					0	8			HP	0.0	Không	NỢ HP
90	162233643	TRẦN QUANG	TƯ	K16KTR2	7					7	7			7	7.0	Bảy	
91	1622336435	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	K16KTR2	6					8	8			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
92	1622336504	PHẠM VĂN	HOÀ	K16KTR2	0					0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP KỲ 3.4
93	1622336644	CAO ĐẶNG HUYỀN	TRANG	K16KTR2	6					8	7			7.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
94	1622337617	PHẠM TIẾN	TRUNG	K16KTR2	4					7	4			6	5.7	Năm phẩy Bảy	
95	162233436	THÁI THỊ	ANH	K16KTR3	8					8	4			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
96	162233441	PHAN TUẤN	ANH	K16KTR3	8					8	5			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
97	162233443	NGUYỄN QUỐC	BẢO	K16KTR3	2					7	7			5	5.2	Năm phẩy Hai	
98	162233446	PHẠM VĂN	CHÁT	K16KTR3	8					6	8			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
99	162233450	LÊ VĂN	CHIẾN	K16KTR3	8					7.5	8			7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
100	162233455	NGUYỄN HOÀNG QUỐC CƯỜNG		K16KTR3	8					6	6.5			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
101	162233456	VŨ VĂN	CƯỜNG	K16KTR3	6					7	8			5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
102	162233462	PHẠM	ĐẠT	K16KTR3	7					6.5	5			5	5.6	Năm phẩy Sáu	
103	162233465	HOÀNG QUỐC	DŨNG	K16KTR3	6					7	7			5	5.8	Năm phẩy Tám	
104	162233469	NGÔ THỊ KIỀU	GIANG	K16KTR3	7					7.5	8.5			7	7.3	Bảy phẩy Ba	

Thời gian : 13h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%				
105	162233472	NGÔ HẢI	K16KTR3	8				7	7			V	0.0	Không		
106	162233485	TRẦN MINH HIỀN	K16KTR3	8				7.5	8			8	7.9	Bảy phẩy Chín		
107	162233492	TRẦN VIỆT HOÀN	K16KTR3	8				6.5	5.5			3	0.0	Không		
108	162233498	NGUYỄN HỒNG HOÀNG	K16KTR3	6				7.5	6			4.5	5.5	Năm phẩy Năm		
109	162233503	LUU VĂN HÙNG	K16KTR3	8				7	7.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
110	162233512	PHẠM THỊ HUYỀN	K16KTR3	7				7.5	9			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
111	162233515	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	K16KTR3	8				7	8			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
112	162233525	NGUYỄN QUANG LĨNH	K16KTR3	8				7	5			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
113	162233529	ĐẶNG HOÀNG LONG	K16KTR3	8				8	6			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
114	162233533	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LUY	K16KTR3	8				8	4			6	6.5	Sáu phẩy Năm		
115	162233544	ĐẶNG THỊ KIM NGÀ	K16KTR3	6				7.5	3			8	7.1	Bảy phẩy Một		
116	162233556	HỒ TUẤN PHONG	K16KTR3	9				8	5.5			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
117	162233561	DƯƠNG PHÚ PHƯỚC	K16KTR3	9				8	5			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
118	162233567	HOÀNG TRỌNG QUANG	K16KTR3	8				8	4			5	6.0	Sáu		
119	162233574	PHẠM NGỌC SINH	K16KTR3	8				8	5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
120	162233578	NGUYỄN MINH TÂN	K16KTR3	8				7.5	7			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
121	162233581	LÊ HOÀNG VIỆT THẮNG	K16KTR3	8				7.5	6.5			7	7.2	Bảy phẩy Hai		
122	162233584	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	K16KTR3	8				8	8			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
123	162233587	NGÔ VIỆT THANH	K16KTR3	8				6.5	6.5			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
124	162233589	VŨ ĐỨC THÀNH	K16KTR3	3				7	8			6	6.0	Sáu		
125	162233598	LÊ NGỌC THU	K16KTR3	8				7.5	8.5			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
126	162233601	HOÀNG THỊ HOÀI THUƠNG	K16KTR3	8				8.5	3			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
127	162233606	PHẠM THỊ LAM THUYỀN	K16KTR3	8				6	7			6	6.4	Sáu phẩy Bốn		
128	162233610	NGUYỄN TÀI TIẾN	K16KTR3	8				6	7.5			5	5.9	Năm phẩy Chín		
129	162233614	VŨ VĂN TỈNH	K16KTR3	8				8	7			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
130	162233617	GIANG VĂN TOÀN	K16KTR3	3				7	4			5	5.0	Năm		
131	162233620	HUỲNH THỊ THÙY TRANG	K16KTR3	6				6	7			6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
132	162233628	THÁI LÂM TRƯỜNG	K16KTR3	6				6	6			4	4.9	Bốn phẩy Chín		
133	162233630	NGUYỄN VĨNH TUẤN	K16KTR3	8				6.5	8			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
134	162233644	PHAN BÁ VƯƠNG	K16KTR3	8				6.5	6			6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
135	162236641	DƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	K16KTR3	6				6.5	0			4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy		
136	162236709	NGÔ THỊ ANH	K16KTR3	5				7	6			6	6.1	Sáu phẩy Một		
137	162236834	TÔ NGỌC QUỐC	K16KTR3	8				6.5	7			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
138	162236915	LÊ THẾ PHƯƠNG	K16KTR3	8				6.5	8.5			4	5.6	Năm phẩy Sáu		
139	162236916	LÊ XUÂN THÀNH	K16KTR3	8				6.5	8			3	0.0	Không		

Thời gian : 13h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%				
140	162237005	TRƯƠNG XUÂN VINH	K16KTR3	8				8	7			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
141	152233019	NGÔ THỊ GIANG	K16KTR4	8				8	5.5			7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
142	152233049	TÔNG VĂN SƠN	K16KTR4	3				7	4			V	0.0	Không		
143	162233439	NGUYỄN ĐỨC ANH	K16KTR4	8				7	8			2	0.0	Không		
144	162233444	PHÙNG QUỐC BẢO	K16KTR4	8				6	7			4	5.3	Năm phẩy Ba		
145	162233447	NGUYỄN THỊ MỸ CHÂU	K16KTR4	6				0	9			2.5	0.0	Không		
146	162233451	TRẦN HỮU CHINH	K16KTR4	8				8	8			3	0.0	Không		
147	162233454	TRẦN VĂN CƯỜNG	K16KTR4	8				6	9			6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
148	162233466	NGUYỄN THỊ HUỠNG DƯƠNG	K16KTR4	8				8	6.5			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
149	162233470	NGUYỄN GIÀU	K16KTR4	8				4	7			4	4.9	Bốn phẩy Chín		
150	162233474	PHẠM THANH HẢI	K16KTR4	6				5	7.5			4.5	5.1	Năm phẩy Một		
151	162233475	ĐỖ VĂN HẢI	K16KTR4	7				7	8			5	6.0	Sáu		
152	162233491	NGUYỄN VĂN HIẾU	K16KTR4	3				0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP	
153	162233501	CAO MẠNH HÙNG	K16KTR4	8				7	7			5	6.1	Sáu phẩy Một		
154	162233505	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	K16KTR4	8				8	7.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
155	162233526	LÊ VĂN LỘC	K16KTR4	8				8	6			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
156	162233541	NGUYỄN LÊ NA	K16KTR4	8				8	9			8	8.1	Tám phẩy Một		
157	162233545	LÊ MỸ NGÂN	K16KTR4	8				8.5	8			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
158	162233549	TRẦN ĐỖ ÁNH NGỌC	K16KTR4	8				8	7.5			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
159	162233553	HỒ VĂN NHÂN	K16KTR4	8				8.5	7			4	5.8	Năm phẩy Tám		
160	162233557	PHẠM CHÂU PHONG	K16KTR4	6				5	8			ĐC	0.0	Không		
161	162233560	THIỀU QUANG PHƯỚC	K16KTR4	6				6	9			5	5.8	Năm phẩy Tám		
162	162233565	NGUYỄN NGỌC NHẬT PHƯƠNG	K16KTR4	7				5	7			7.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
163	162233568	NGÔ ĐÌNH QUẾ	K16KTR4	8				5	7.5			6	6.3	Sáu phẩy Ba		
164	162233580	VÕ ĐỨC THẮNG	K16KTR4	8				4	7			2	0.0	Không		
165	162233583	TRẦN PHƯỚC THANH	K16KTR4	8				8	8			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
166	162233588	NGUYỄN VIỆT THÀNH	K16KTR4	8				8	8.5			4	5.9	Năm phẩy Chín		
167	162233592	NGUYỄN QUỐC THẠNH	K16KTR4	7				7	6			2	0.0	Không		
168	162233603	PHẠM THƯƠNG THUƠNG	K16KTR4	8				8.5	7			4	5.8	Năm phẩy Tám		
169	162233607	TRẦN THUY TIÊN	K16KTR4	8				7	7			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
170	162233611	TRẦN NGỌC TIÊN	K16KTR4	8				8.5	7			4	5.8	Năm phẩy Tám		
171	162233615	LÊ THANH TỊNH	K16KTR4	8				7	8			4	5.6	Năm phẩy Sáu		
172	162233621	NGUYỄN THẾ BÍCH TRANG	K16KTR4	7				8	7			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
173	162233629	TRẦN CÔNG TRƯỜNG	K16KTR4	8				8	7			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
174	162233632	NGUYỄN THANH TUẤN	K16KTR4	8				7	7			2.5	0.0	Không		

Thời gian : 13h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%					
175	162233637	HOÀNG ANH	VIỆT	K16KTR4	8					5	7.5			V	0.0	Không	
176	162233641	LÊ MINH	VŨ	K16KTR4	8					8.5	7			4	5.8	Năm phẩy Tám	
177	162233643	VÕ ĐÌNH	VƯƠNG	K16KTR4	8					4	6.5			5	5.4	Năm phẩy Bốn	
178	162236506	NGUYỄN VĂN	MẠNH	K16KTR4	8					6	8.5			2	0.0	Không	
179	162236639	NGUYỄN QUANG	HIẾU	K16KTR4	8					5	8			6	6.3	Sáu phẩy Ba	
180	162236835	NGUYỄN CHÍ DUY	THÀNH	K16KTR4	9					8	8			6	7.1	Bảy phẩy Một	
181	162237421	LÊ XUÂN	QUYỀN	K16KTR4	8					7	8			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
182	142231436	BÙI CHÍ	THANH	K16KTR5	6					6	7			6	6.1	Sáu phẩy Một	
183	142234541	TRẦN THÀNH	ĐẠT	K16KTR5	8					0	7.5			6	5.3	Năm phẩy Ba	
184	152232902	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16KTR5	8					7.5	8			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
185	152232914	NGÔ	TIN	K16KTR5	6					7.5	1			6	5.8	Năm phẩy Tám	
186	152232918	CÁN NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	8					7	8			6.5	7.0	Bảy	
187	152232947	PHẠM VĂN THÀNH	ĐẠT	K16KTR5	8					5.5	4			5	5.5	Năm phẩy Năm	
188	152232965	TRỊNH NGỌC HUY	TOÀN	K16KTR5	5					7	3			4	4.7	Bốn phẩy Bảy	
189	152233015	NGUYỄN ĐĂNG	NHẬT	K16KTR5	0					0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP KỲ 3.4
190	152233021	TRỊNH HOÀNG	GIANG	K16KTR5	0					0	0			V	0.0	Không	
191	152233027	LÊ VĂN	THIÊN	K16KTR5	6					7	0			4	4.5	Bốn phẩy Năm	
192	152233060	PHAN TÂN PHÚ	QUỐC	K16KTR5	8					7	6			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
193	162233435	VÕ NGỌC QUỲNH	ANH	K16KTR5	8					7.5	7			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
194	162233453	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	7					8	8			5	6.2	Sáu phẩy Hai	
195	162233457	VÕ BÁ	DANH	K16KTR5	8					7	7.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
196	162233459	VÕ TIỀN	ĐẠT	K16KTR5	8					8	5			4	5.5	Năm phẩy Năm	
197	162233460	LƯƠNG TẤN	ĐẠT	K16KTR5	7					7.5	7			6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
198	162233476	PHAN QUỐC	HÂN	K16KTR5	5					8	8			7	7.0	Bảy	
199	162233478	NGUYỄN	HĂNG	K16KTR5	8					7	8			2	0.0	Không	
200	162233482	NGUYỄN NHẬT	HẬU	K16KTR5	8					7.5	6			6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
201	162233488	NGÔ VĂN	HIẾU	K16KTR5	7					7	7			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
202	162233493	ĐẶNG MINH	HOÀNG	K16KTR5	8					7	8			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
203	162233495	NGUYỄN TRI BẢO	HOÀNG	K16KTR5	8					7.5	7			5	6.2	Sáu phẩy Hai	
204	162233500	VÕ THỊ	HUỆ	K16KTR5	9					8	7			6	7.0	Bảy	
205	162233507	NGÔ VĂN	HUY	K16KTR5	6					7	7			5	5.8	Năm phẩy Tám	
206	162233508	TRẦN KIM	HUY	K16KTR5	6					5.5	7.5			5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
207	162233514	NGÔ THÁI QUỐC	KHÁNH	K16KTR5	8					7	7			5	6.1	Sáu phẩy Một	
208	162233516	BÙI QUANG	KHOA	K16KTR5	8					7	4			5	5.8	Năm phẩy Tám	
209	162233517	LIÊU TỔNG ĐĂNG	KHOA	K16KTR5	8					7.5	8.5			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	

Thời gian : 13h00 - 25/03/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	0%	0%	20%	10%	0%	0%	55%				
210	162233518	TRẦN PHƯỚC	KỶ	K16KTR5	8					8	7			4	5.7	Năm phẩy Bảy	
211	162233519	TRƯƠNG VĂN	LÂM	K16KTR5	8					7.5	4			6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
212	162233522	TRẦN VIỆT	LIÊM	K16KTR5	8					7	6.5			ĐC	0.0	Không	
213	162233524	LÊ NHẬT	LINH	K16KTR5	3					0	0			HP	0.0	Không	NỢ HP
214	162233532	VÕ GIA	LƯU	K16KTR5	8					7.5	7.5			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
215	162233539	NGUYỄN TÂN	MỸ	K16KTR5	8					8	8.5			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
216	162233599	NGUYỄN THỊ	THUẬN	K16KTR5	8					7.5	7.5			7	7.3	Bảy phẩy Ba	
217	162233622	PHẠM QUỐC	TRÍ	K16KTR5	8					7.5	5			6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
218	162233623	NGUYỄN QUANG	TRÍ	K16KTR5	6					8	6			6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
219	162233645	VÕ KHÁNH	VỤ	K16KTR5	8					7.5	8			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
220	162236642	NGUYỄN THỊ THANH	THUY	K16KTR5	8					7.5	8			6	6.8	Sáu phẩy Tám	
221	162237347	HỒ THỊ MINH	PHƯƠNG	K16KTR5	8					7.5	8			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
1	0595	VŨ HỮU	KÍNH	K13KTR	6					6	8			8	7.3	Bảy phẩy Ba	53501
2	4868	NGUYỄN HOÀNG	LONG	K13KTR	6					6	7.5			7	6.7	Sáu phẩy Bảy	53523
3	0581	NGUYỄN HẢI	HÙNG	K13KTR	6					6	6			7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	53524

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	196	88%	
2	Số sinh viên nợ	28	13%	
TỔNG CỘNG :		224	100%	

Đà Nẵng, 14/04/2012

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VŨ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VŨ HỮU THẠNH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ